Sign In

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Số: 22-LĐTBXH/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 1995

THÔNG TƯ
CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Hướng dẫn về thủ tục lập và quản lý hồ sơ người có công với cách mạng

Thi hành Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ về chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ và công tác quản lý như sau:

A. Nguyên tắc và thủ tục lập hồ sơ xác nhận

I. Nguyên tắc chung:

1. Hồ sơ là những chứng từ pháp lý dùng làm căn cứ để xác nhận, quản lý và thực hiện chính sách chế độ đối với người có công với cách mạng, hồ sơ phải gồm đầy đủ các giấy tờ quy định do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý có thẩm quyền ký và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký giấy. (Không dùng giấy sao lục, không ký thừa lệnh, không dùng dấu chữ ký sẵn...).

2. Các giấy tờ trong hồ sơ phải làm đúng biểu mẫu, qui cách thống nhất; ghi đầy đủ nội dung một cách rõ ràng không tẩy xoá, sửa chữa; không viết bằng nhiều thứ mực, nhiều loại chữ khác nhau. Để đảm bảo tính chính xác, các cơ quan đơn vị phải căn cứ vào giấy tờ gốc, vào những chứng cứ tin cậy và phải thẩm tra kỹ càng, xác minh sự việc cụ thể trước khi cấp giấy.

3. Những đối tượng đang hưởng chế độ ưu đãi đã được cơ quan chính sách quản lý đầy đủ hồ sơ thì không phải lập lại như quy định tại thông tư này.

4. Hồ sơ của người có công với cách mạng đang tại ngũ, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ quy định cụ thể thêm sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

II. Thủ tục hồ sơ:

1. Hồ sơ người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945:

Theo Điều 6 - Nghị định.

Việc lập hồ sơ người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Đối với người hoạt động cách mạng từ 1 tháng 1 năm 1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 theo Điều 9 - Nghị định.

a- Bản khai cá nhân.

b- Giấy xác nhận của tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc Ban Cán sự Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương.

c- Quyết định phụ cấp và phiếu lập giấy chứng nhận do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi người hoạt động cách mạng cư trú cấp.

3. Hồ sơ liệt sĩ và gia đình liệt sĩ theo Điều 12 - Nghị định.

a- Giấy báo tử do cơ quan đơn vị người đó trước khi hy sinh cấp theo quy định như sau:

Đối với quân nhân: do Thủ trưởng cấp trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên cấp theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Đối với công an nhân dân do Thủ trưởng ngành công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cấp tương đương trở lên cấp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Đối với dân quân du kích, tự vệ, cán bộ xã, phường, nhân dân: do Uỷ ban nhân dân cấp huyện, quận và tương đương cấp.

Đối với công nhân viên chức: do Thủ trưởng cơ quan đoàn thể, xí nghiệp trực thuộc ngành ở Trung ương (Cục, Vụ, Viện, Tổng Công ty, Liên hiệp xí nghiệp...); thủ trưởng cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (như Sở, Ban, ngành...) hoặc Uỷ ban nhân dân quận, huyện hoặc tương đương trở lên cấp tuỳ theo đương sự thuộc sự phân cấp quản lý của cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp của Trung ương, của tỉnh, thành phố hay quận, huyện.

Đối với thanh niên xung phong, dân công: do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, đoàn thể quản lý sử dụng người đó từ cấp tỉnh, thành phố, cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên hoặc Uỷ ban nhân dân quận, huyện cấp.

Đối với những trường hợp hy sinh hoặc mất tin từ lâu, nay cơ quan đơn vị cũ không còn thì giấy báo tử do cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan cũ cấp.

b- Giấy chứng nhận tình hình thân nhân liệt sĩ của Uỷ ban nhân dân xã, phường do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn.

c- Quyết định trợ cấp; phiếu lập giấy chứng nhận và trợ cấp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.

d- Ngoài hồ sơ trên đây, tuỳ theo trường hợp hy sinh của liệt sĩ mà có các giấy tờ khác như:

Biên bản xảy ra sự việc nếu hy sinh vì làm công việc nguy cấp, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, hoặc đấu tranh chống các loại tội phạm do cơ quan đơn vị quản lý đương sự lập.

Giấy xác nhận phụ cấp lương đặc biệt 100%.

Bệnh án điều trị, biên bản tử vong của bệnh viện hoặc của y tế xã phường, hồ sơ thương binh nếu là thương binh chết do vết thương tái phát.

e- Đối với những trường hợp hy sinh, mất tin, mất tích từ trước ngày 31 tháng 12 năm 1994 quy định tại Điều 23 - Nghị định nay mới xem xét giải quyết theo diện tồn đọng về chính sách sau chiến tranh, phải có:

Bản kê khai của gia đình liệt sĩ.

Biên bản xem xét và đề nghị của Hội đồng xác nhận xã, phường nơi gia đình liệt sĩ cư trú hoặc nơi liệt sĩ hoạt động rồi hy sinh, mất tin, mất tích.

Xác nhận đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện.

4. Hồ sơ Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động theo Điều 24 - Nghị định.

Bản sao giấy chứng nhận tặng danh hiệu anh hùng.

Quyết định trợ cấp; phiếu lập giấy chứng nhận trợ cấp do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp hoặc do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được uỷ quyền cấp.

5. Hồ sơ thương binh và người hưởng chính sách như thương binh theo Điều 26 - Nghị định.

a- Giấy chứng nhận bị thương (thẩm quyền cấp như quy định đối với cơ quan, đơn vị cấp giấy báo tử).

b- Biên bản giám định thương tật do các Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền cấp.

c- Quyết định trợ cấp, phiếu lập giấy chứng nhận và trợ cấp thương tật do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đương sự cư trú cấp hoặc do Sở Lao động -

Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, nếu được Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố uỷ quyền.

d- Phiếu thương tật (đối với thương binh được xác nhận trong quân đội, công an khi xuất ngũ).

e- Ngoài hồ sơ trên đây, tuỳ từng trường hợp bị thương phải có các giấy tờ như:

Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan quản lý đương sự lập đối với trường hợp bị thương vì dũng cảm làm những công việc nguy cấp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc đấu tranh chống các loại tội phạm.

Giấy xác nhận nơi hưởng phụ cấp lương đặc biệt 100%.

Những trường hợp vì hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến mà bị địch bắt tù đày, tra tấn thành thương tật (có tổn thương thực thể) thì kèm các giấy tờ như quy định về hồ sơ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù ở điểm 7 dưới đây.

g- Người bị thương từ trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 có vết thương thực thể được xem xét giải quyết theo diện tồn đọng về chính sách sau chiến tranh, thì hồ sơ phải có thêm các giấy tờ:

+ Tờ khai của người bị thương về quá trình hoạt động và bị thương kèm theo ý kiến xác nhận và đề nghị của Uỷ ban nhân dân xã, phường hoặc cơ quan nơi công tác.

+ Quyết định phục viên, xuất ngũ hoặc chuyển ngành.

+ Các chứng từ như: giấy chứng nhận bị thương, phiếu chuyển thương, giấy ra viện, hồ sơ điều trị hoặc phiếu sức khoẻ.

Trường hợp không còn các chứng từ gốc:

+ Đối với quân nhân, công an nhân dân kể cả người đã xuất ngũ, do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ hướng dẫn giải quyết.

+ Đối với lực lượng khác:

Giấy chứng nhận của hai người cùng chiến đấu, cùng làm nhiệm vụ hoặc chứng nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp và được Uỷ ban nhân dân xã, phường hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan đang quản lý căn cứ vào lý lịch, hồ sơ của người chứng nhận để xác nhận (không chỉ xác nhận chữ ký của người chứng nhận).

Biên bản xem xét và đề nghị của Hội đồng xác nhận cấp xã, phường nơi đương sự cư trú hoặc Hội đồng xác nhận của cơ quan nơi đương sự đang công tác.

6. Hồ sơ bệnh binh: theo Điều 43 - Nghị định.

Giấy chứng nhận bệnh tật do cơ quan quân y lập và thủ trưởng cấp trung đoàn, thủ trưởng ngành công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cấp tương đương trở lên cấp.

Biên bản giám định y khoa do Hội đồng giám định Y khoa quân đội, công an có thẩm quyền cấp.

Quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp do thủ trưởng quản lý quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ cấp.

7. Hồ sơ của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày: theo Điều 53 - Nghị định.

Bản khai cá nhân.

Bản sao lý lịch cán bộ hoặc hồ sơ hưu trí, mất sức lao động, hoặc lý lịch đảng viên (đối với người thoát ly hoặc đảng viên).

Bản kết luận của cấp có thẩm quyền về thời gian bị tù, đày (nếu có).

Xác nhận của Ban liên lạc nhà tù (đối với người không thoát ly hoặc chưa phải là Đảng viên).

Trường hợp không có Ban liên lạc nhà tù phải có chứng nhận của hai người cùng bị bắt giam giữ một nhà tù; chứng nhận này phải được cơ quan, đơn vị hay chính quyền nơi cư trú chứng thực căn cứ vào các giấy tờ, có xác minh của cơ quan an ninh về thái độ chính trị trong tù, lý lịch của người làm chứng, biên bản nhận xét của Hội đồng xác nhận nơi cứ trú, công tác sau khi ra tù.

Quyết định trợ cấp một lần do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp hoặc do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được uỷ quyền cấp.

8. Hồ sơ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc: theo Điều 58 - Nghị định.

Bản khai cá nhân.

Bản khai đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến hoặc trích lục danh sách khen thưởng kèm theo số quyết định khen thưởng do cơ quan thi đua khen thưởng cung cấp (đối với người không thoát ly, hoặc chưa phải là đảng viên).